

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH MARKETING
(CHUYÊN NGÀNH: MARKETING KỸ THUẬT SỐ)
(Áp dụng cho khoá tuyển sinh từ năm 2024)

Cơ quan chủ trì: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG VIỆT HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng,
470 Đường Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận
Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3667131

Fax: 0236 3667117

Website: <http://www.vku.udn.vn/>

Đà Nẵng, năm 2024

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG
TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHVH ngày/...../2024 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	MARKETING
2.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	MARKETING
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Ngành đào tạo	Marketing
5.	Mã ngành đào tạo:	7340115
6.	Chuẩn đầu vào/tiêu chí tuyển sinh	CTĐT ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau: - Tốt nghiệp trung học phổ thông; - Đăng ký xét tuyển vào ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; - Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt – Hàn.
7.	Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
8.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
9.	Số tín chỉ yêu cầu:	125
10.	Thang điểm:	Thang điểm 4
11.	Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 125 tín chỉ; 2. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; 3. Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường;

		- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500. - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông. 4. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.
12. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân	
13. Cơ hội việc làm:	Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số có thể làm các công việc đa dạng như:	- Nhân viên/quản lý các hoạt động digital marketing: SEM, content, social media, phân tích marketing số; - Chuyên viên/ nhà quản trị truyền thông, thương hiệu trong môi trường số; - Tạo lập/khởi nghiệp cơ sở kinh doanh mới trong lĩnh vực digital marketing.
14. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên theo học ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn về lĩnh vực Marketing kỹ thuật số ở các trường trong và ngoài nước.	
15. Chương trình đào tạo đối sánh:	Chương trình đào tạo ngành Marketing kỹ thuật số của Trường Đại học RMIT, Australia; Chương trình đào tạo ngành Marketing kỹ thuật số - trường Đại học Hoa Sen; Chương trình đào tạo chuyên ngành Digital Marketing, Trường Đại học Công nghiệp Tp HCM; Chương trình đào tạo cử nhân ngành Marketing kỹ thuật số - trường Đại học Birmingham City, Anh. Chương trình đào tạo Ngành Marketing kỹ thuật số - trường New England college of business, Mỹ; Chương trình đào tạo cử nhân ngành Marketing kỹ thuật số - trường Đại học Coventry, Anh; Chương trình đào tạo cử nhân ngành Marketing kỹ thuật số - trường Đại học Portsmouth, Anh.	

16. Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt Hàn, số 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020. Quyết định thành lập khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử, số 1659/QĐ-ĐHĐN ngày 19/05/2020 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/06/2021. Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18/03/2021.
-------------------	---

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

“Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”

Nhân bản: Nhân là người, bản là gốc => cái gốc của con người. Là cái gốc của đạo làm người/ Nhân bản là những đức tính chính yếu của một con người. Con người từ lúc sinh ra, từ bản chất là lương thiện. Giáo dục nhân bản hướng đến con người trưởng thành lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp.

Phụng sự: hết lòng hết sức phục vụ. Ở đây là phụng sự cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo; cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, tổ quốc và nhân loại.

Khai phóng: Khai minh và Giải phóng. Khai Minh là tháo gỡ kiến thức để mở mang hiểu biết, phá vỡ những hiểu biết sai lầm và dung nạp kiến thức mới. Khai minh cũng có nghĩa là khai mở sự sáng hoặc chiếu ánh sáng vào những nơi còn mù mờ. Giáo dục khai phóng (Liberal Education) là một nền giáo dục giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến. Người được giáo dục một cách khai phóng có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, và không dễ bị lũng đoạn, không dễ thành kiến hay định kiến.

II. Tâm nhìn

Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

III. Sứ mạng

Chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (PO)

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Marketing - chuyên ngành Marketing kỹ thuật số theo định hướng ứng dụng (theo khoản 2, điều 4, thông tư 17/2021/TT-BGDĐT), giúp cung cấp nguồn nhân lực có lòng yêu nghề, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, tư duy khởi nghiệp, có kiến thức và thành thạo kỹ năng trong lĩnh vực Marketing kỹ thuật số để đáp ứng quá trình tăng trưởng và hội nhập quốc tế của các tổ chức trong nền kinh tế số. Cử nhân chuyên ngành Marketing - chuyên ngành marketing kỹ thuật số có tư duy về khoa học, năng động, sáng tạo trong thực tiễn cũng như khả năng học tập nâng cao trình độ ở các bậc cao hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số có những khả năng, phẩm chất như sau:

PO1. Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực digital marketing.

PO2. Vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong từng mảng hoạt động digital marketing.

PO3. Hoạch định, tổ chức và đánh giá hiệu quả kế hoạch/chiến lược digital marketing.

PO4. Có khả năng học tập, tự nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

PO5. Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng tiếng anh tốt và mạnh dạn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

PO6. Thể hiện sự đam mê với nghề, ý thức về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm hướng đến xã hội.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Marketing - chuyên ngành marketing kỹ thuật số có khả năng:

PLO1. Giải quyết các vấn đề thực tiễn từ hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế số.

PI1.1. Diễn giải các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên, xã hội và chính trị, kinh tế và quản lý.

PI1.2. Phân tích các tình huống nảy sinh khi vận hành các doanh nghiệp.

PI1.3. Đề xuất các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

PLO2. Sử dụng hiệu quả các công cụ Marketing kỹ thuật số trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

PI2.1. Thiết kế các hoạt động truyền thông marketing dựa trên công cụ truyền thông số.

PI2.2. Phân tích hiệu quả việc sử dụng các công cụ trong digital marketing.

PLO3. Xây dựng chiến lược marketing trên nền tảng kỹ thuật số.

PI3.1. Đánh giá nhu cầu, hành vi khách hàng.

PI3.2. Đề xuất hệ thống các giải pháp cho chiến lược digital marketing.

PI3.3. Lựa chọn tổ hợp các công cụ digital marketing.

PLO4. Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả

PI4.1. Sử dụng công cụ công nghệ thông tin cơ bản một cách hiệu quả.

PI4.2. Thiết kế các ấn phẩm phục vụ hoạt động truyền thông marketing.

PLO5. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và bằng văn bản sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

PI5.1. Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

PI5.2. Diễn giải tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh.

PLO6. Phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng mềm và có năng lực học tập suốt đời.

PI6.1. Đề xuất ý tưởng khởi nghiệp có cơ sở.

PI6.2. Áp dụng kỹ năng mềm hiệu quả trong công việc, chú trọng vào kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian.

PI6.3. Phát triển năng lực học tập suốt đời.

PLO7. Có ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và xã hội.

PI7.1. Nhận biết ý thức đạo đức nghề nghiệp.

PI7.2. Nhận biết các quy định pháp luật trong kinh doanh.

PI7.3. Có trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

III. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

Sinh viên Ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên và nhà quản trị marketing trong môi trường kỹ thuật số trong các tổ chức khác nhau như là các cơ quan Nhà nước; các tổ chức phi chính phủ; các doanh nghiệp và tổ chức (Client); các công ty chuyên cung ứng dịch vụ Marketing (Agency) như công ty tư vấn Marketing; công ty cung ứng dịch vụ trên nền tảng số.

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số có thể làm các công việc như sau:

- Triển khai các chiến dịch quảng bá và xây dựng thương hiệu qua các công cụ Digital Marketing.
- Xây dựng chiến lược Marketing cho sản phẩm, lĩnh vực của công ty trên các phương tiện truyền thông kỹ thuật số.
- Lập kế hoạch, điều phối, phối hợp với Content Marketing để phát triển các kênh Marketing Online đảm bảo mục tiêu.

- Lập kế hoạch SEO, SEM, Google Adwords; tối ưu hóa thứ hạng của website trên các trang tìm kiếm.

- Thu thập, phân tích thông tin thị trường, thông tin về sản phẩm, thông tin về các chương trình Digital Marketing, Social Media để đánh giá hiệu quả.

Với những vị trí công việc chuyên sâu như:

- Chuyên viên/ nhà quản trị marketing số.
- Chuyên viên/ nhà quản trị marketing nội dung số
- Nhà quản lý và tư vấn doanh nghiệp về marketing số
- Chuyên viên/nhà quản trị phát triển SEO, SEM
- Nhà phân tích chiến dịch marketing
- Chuyên gia marketing truyền thông xã hội
- Nhà nghiên cứu thị trường trong môi trường số
- Chuyên viên/ nhà quản trị thương hiệu
- Chuyên viên/ nhà quản trị truyền thông trong môi trường số .
- Nhân viên/ nhà quản trị bán hàng và marketing trực tuyến (Sales & marketing online)
- Chuyên viên/nhà quản trị quan hệ khách hàng
- Giảng dạy, nghiên cứu về Marketing kỹ thuật số tại các trường đại học, cao đẳng

2. Khả năng học tập sau đại học

Sinh viên theo học ngành Marketing-chuyên ngành marketing kỹ thuật số cũng được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn về lĩnh vực Marketing kỹ thuật số ở các trường trong và ngoài nước.

D. CẤU TRÚC VÀ KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 4 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 5.

Bảng 5. Các khối kiến thức và số tín chỉ

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
		Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tổng
I	Khối kiến thức GDĐC	25	0	23	2	25
II	Khối kiến thức tăng cường	8	0	7	1	8
III	Khối kiến thức GDCN	72	10	71	11	82
III.1	Khối kiến thức chung	30	0	29.5	0.5	30

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
		Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tổng
III.2	Khối kiến thức cơ sở ngành	21	6	23	4	27
III.3	Khối kiến thức chuyên ngành	21	4	18.5	6.5	25
IV	Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0	10	10
	Tổng	115	10	102.5	22.5	125

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và ngoại ngữ.

II. Khung chương trình đào tạo

Bảng 6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		24,5	0,5	0	25	25	0					
1	DE1001	Tin học đại cương	2,5	0,5	0	3	3					1	
2	DE1002	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	0	0	2	2					1	
3	ENG-ELE1	Tiếng anh 1	3	0	0	3	3					1	
4	ENG-ELE2	Tiếng anh 2	2	0	0	2	2			Tiếng Anh 1		2	
5	ENG-ELE3	Tiếng anh 3	2	0	0	2	2			Tiếng Anh 2		3	
6	SS1001	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	3					6	
7	SS1002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	0	2	2					6	
8	SS1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	2					7	
9	SS1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	2					7	
10	SS1005	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	0	0	2	2					8	
11	SS1006	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	2					1	
		Giáo dục thể chất*		4*		4*							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
		<i>Giáo dục Quốc phòng*</i>		8*		8*							
II	KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG		7	1	0	8	8	0					
12	DE2020	Tiếng anh chuyên ngành 1	1,5	0,5	0	2	2					1	
13	DE2021	Tiếng anh chuyên ngành 2	1,5	0,5	0	2	2			Tiếng Anh Chuyên ngành 1		2	
14	FL2018	Tiếng Anh Nâng cao 1	2	0	0	2	2					3	
15	FL2019	Tiếng Anh Nâng cao 2	2	0	0	2	2			Tiếng Anh nâng cao 1		4	
16	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2		2					
17	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3		3		Tiếng Hàn 1			
III	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		71	11	0	82	72	10					
III.1	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		29,5	0,5	0	30	30						
18	DE1004	Nhập môn ngành và kỹ năng mềm	1,5	0,5	0	2	2					5	Thay đổi TC
19	DE1003	Đạo đức trong kinh doanh	2	0	0	2	2					1	
20	DE2004	Kinh tế vĩ mô	3	0	0	3	3					2	Tăng 1 TC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
21	DE2005	Kinh tế vi mô	3	0	0	3	3					1	Tăng 1 TC
22	DE2003	Quản trị học	3	0	0	3	3					2	
23	DE2006	Marketing căn bản	3	0	0	3	3					2	
24	DE2009	Nguyên lý kế toán	3	0	0	3	3					2	
25	DE2008	Thống kê kinh doanh	3	0	0	3	3					3	
26	DE2013	Hệ thống thông tin quản lý	3	0	0	3	3					3	
27	NS2028	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	0	0	3	3					4	
28	DE2007	Luật kinh doanh	2	0	0	2	2			Pháp luật đại cương		2	
III.2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		23	4	0	27	21	6					
A	Học phần bắt buộc		17	4	0	21	21						
29	DE2149	Digital Marketing	3	0	0	3	3			Marketing căn bản		4	
30	DE2161	Quản trị Marketing	3	0	0	3	3			Marketing căn bản		3	
31	DE2046	Nghiên cứu marketing	2,5	0,5	0	3	3					4	
32	DE2028	Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	3	3			Marketing căn bản		3	
33	DE2145	Quản trị thương hiệu	3	0	0	3	3					4	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
34	DE2045	Truyền thông marketing tích hợp	2,5	0,5	0	3	3					5	
35	DE2015	Đề án 1 _Phân tích và đề xuất kế hoạch Marketing Mix	0	1	0	1	1					2	
36	DE2016	Đề án 2 _Phân tích hành trình khách hàng	0	1	0	1	1			Đề án 1		3	
37	DE2047	Đề án 3 _Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu số	0	1	0	1	1			Đề án 2		4	
B	Học phần tự chọn (tối thiểu 6 tín chỉ)		6	0	0	6	0	6					
38	DE2146	Marketing quốc tế	3	0	0	3	0	3					
39	DE2154	Phát triển sản phẩm mới	2,5	0,5	0	3	0	3					
40	DE2160	Định giá sản phẩm	3	0	0	3	0	3					
41	DE2155	Quản trị kênh marketing	3	0	0	3	0	3					
42	DE2157	Quan hệ công chúng	3	0	0	3	0	3					
43	DE2147	Nguyên lý truyền thông	3	0	0	3	0	3					
44	DE2165	Quản trị trải nghiệm khách hàng	3	0	0	3	0	2				6	
45	DA2170	Thiết kế đồ họa truyền thông	2,5	0,5	0	3	0	3				4	
46	DE2156	Phân tích và thiết kế web	2,5	0,5	0	3	0	3				6	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
47	DE2026	Thương mại điện tử	3	0	0	3	0	3					
48	DE2148	Dự báo trong kinh doanh	2,5	0,5	0	3	0	3					
49	DE2144	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong KD	2,5	0,5	0	3		3				3	
III.3	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		18,5	6,5	0	25	21	4					
A	Học phần bắt buộc		16,5	4,5	0	21	21						
50	DE2166	Chiến lược digital marketing	3	0	0	3	2			Digital marketing		7	
51	DE2151	Marketing bằng công cụ tìm kiếm	2,5	0,5	0	3	3					6	
52	DE2056	Marketing truyền thông xã hội	2,5	0,5	0	3	2					6	
53	DE2055	Marketing nội dung	1,5	0,5	0	2	2					5	
54	DE2153	Phân tích marketing số	2,5	0,5	0	3	3					7	
55	DE2167	Quảng cáo hiển thị và video	2,5	0,5	0	3	2					6	
56	DE2150	Chuyên đề 1_Trực quan hóa dữ liệu (Data Story telling)	2	0	0	2	2					6	
57	DE2059	Đề án 4_Xây dựng gian hàng và triển khai KDGH điện tử	0	1	0	1	1					5	
58	DE2060	Đề án 5_Xây dựng chiến lược digital marketing	0	1	0	1	1					6	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Điều kiện học phần			Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
B	Học phần tự chọn (tối thiểu 4 tín chỉ)		2	2		4	0	4					
59	DE2061	Marketing thư điện tử (Email Marketing)	1,5	0,5	0	2		2				7	
60	DE2152	Marketing qua thiết bị di động (Mobile Marketing)	1,5	0,5	0	2		2				7	
61	DE2158	Xây dựng thương hiệu trên PTTT kỹ thuật số	2,5	0,5	0	3		3					
62	DE2162	Marketing lan truyền và hiện diện kỹ thuật số	2,5	0,5	0	3		3					
63	DE2163	Digital Marketing, Dữ liệu lớn và Phân tích web	2,5	0,5	0	3		3					
64	DE2164	Trí tuệ nhân tạo trong bán hàng và Marketing	2,5	0,5	0	3		3					
65	DE2159	Chuyên đề 2_Metaverse Marketing	2	0	0	2		2				7	
IV	THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		0	8	2	10	10	0					
66	DE3001	Thực tập tốt nghiệp	0	0	2	2	2	0				8	
67	DE3002	Khóa luận tốt nghiệp	0	8	0	8	8	0		Thực tập tốt nghiệp		8	
		Tổng cộng	102,5	20,5	2	125	115	10					

(Tổng tín chỉ toàn khóa: 125 tín chỉ không bao gồm tín chỉ GDTC, GDQP-AN)

II. Cây chương trình đào tạo

Bảng 7. Cây chương trình đào tạo



